

**DANH MỤC**  
**Văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch**  
**ban hành trong 11 tháng đầu năm 2021**

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành</b>	<b>Tên gọi văn bản/trích yếu nội dung văn bản</b>
1	Nghị định	Số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.
2	Nghị định	Số 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”
3	Nghị định	Số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021	Sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành.
4	Thông tư	Số 01/2021/TT-BVHTTDL ngày 03/02/2021	Quy định về biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục, thể thao đối với hội thể thao quốc gia
5	Thông tư	Số 02/2021/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2021	Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành
6	Thông tư	Số 03/2021/TT-BVHTTDL ngày 01/6/2021	Bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quy trình giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa
7	Thông tư	Số 04/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/6/2021	Quy định một số nội dung về giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa
8	Thông tư	Số 05/2021/TT-BVHTTDL ngày 25/6/2021	Quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia
9	Thông tư	Số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/7/2021	Quy định về tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao
10	Thông tư	Số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021	Quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao
11	Thông tư	Số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021	Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp

			tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện
12	Thông tư	Số 09/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/9/2021	Hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
13	Thông tư	Số 10/2021/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2021	Hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
14	Thông tư	Số 11/2021/TT-BVHTTDL ngày 06/10/2021	Quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch

## **GIỚI THIỆU NỘI DUNG CHÍNH**

### **Các văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch ban hành trong 11 tháng đầu năm 2021**

#### **I. SỐ LƯỢNG VĂN BẢN**

Trong 11 tháng đầu năm 2021, số lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình là **14** văn bản, trong đó, Chính phủ đã ban hành **03** Nghị định và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành **11** Thông tư.

#### **II. NỘI DUNG**

**1. Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.**

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/6/2021.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ được ban hành giúp cho công tác thực thi pháp luật trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo được tăng cường và đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện 02 Nghị định trên đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành đặt ra yêu cầu cần có sự bổ sung, điều chỉnh các hành vi trong 2 Nghị định trên để có chế tài xử phạt vi phạm hành chính khi các quy định của pháp luật bị vi phạm.

*Thứ hai*, một số hành vi trong 2 Nghị định trên đã không còn phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung.

*Thứ ba*, qua rà soát và thực tiễn công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo cho thấy một số quy định về hành vi vi phạm với mức phạt

tiền trong 02 Nghị định trên chưa tương xứng với số lợi nhuận bất hợp pháp mà đối tượng thu được từ việc vi phạm dẫn đến tình trạng đối tượng sẵn sàng vi phạm pháp luật.

Để kịp thời khắc phục những khó khăn, bất cập trên thì việc ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo (sửa đổi) là cần thiết nhằm góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về văn hóa, quảng cáo nói riêng và hệ thống pháp luật nói chung, đồng thời bảo đảm phù hợp với sự phát triển khách quan của thực tiễn

Ban hành Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo nhằm quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính, xây dựng những hành vi vi phạm cụ thể làm căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về văn hóa và quảng cáo

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị định ngoài phần căn cứ pháp lý, nội dung được chia thành 5 chương với 77 điều bao gồm:

- Chương I các quy định chung gồm 5 điều.
- Chương II quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực văn hóa, bao gồm 7 mục và 30 điều.
- Chương III quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quảng cáo, bao gồm 4 mục và 30 điều.
- Chương IV quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo gồm 9 điều.
- Chương V quy định điều khoản thi hành gồm 3 điều

**2. Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.**

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/9/2021.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định còn vướng mắc trong thực tiễn áp dụng thời gian vừa qua, đặc biệt là các quy định liên quan đến: Cách tính thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp; tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu; Hội đồng xét tặng danh hiệu các cấp; Tỷ lệ % thông qua của Hội đồng các cấp... nhằm khắc phục những vướng mắc trong quá trình xét tặng mà vẫn bảo đảm tính khách quan, công bằng và tôn vinh được giá trị của danh hiệu vinh dự Nhà nước.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị định gồm 04 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung 17 khoản, 09 điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP.
- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung phụ II về Bảng quy đổi giải thưởng ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành.
- Điều 4. Trách nhiệm thi hành.

**3. Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành.**

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến ngày 31/12/2023.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Năm 2020 và 2021, đại dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu đã đẩy ngành Du lịch rơi vào giai đoạn khủng hoảng chưa từng có khiến lượng khách du lịch quốc tế sụt giảm 73,9% so với năm 2019, lùi lại thời điểm cách đây 30 năm và phải mất 2,5 đến 4 năm để lấy lại đà tăng trưởng như năm 2019 (theo báo cáo của UNWTO - Tổ chức Du lịch thế giới). Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự đoán du lịch sẽ thuộc nhóm ngành cuối cùng của nền kinh tế phục hồi nhu cầu đã mất sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát. Đối với ngành Du lịch Việt Nam, các chỉ số tăng trưởng của ngành năm 2020 đều sụt giảm nghiêm trọng: lượng khách quốc tế cả năm 2020 chỉ đạt 3,7 triệu lượt, giảm 80% so với năm 2019; khách nội địa đạt 56 triệu lượt, giảm 34,1% so với cùng kỳ năm 2019, tổng thu từ khách du lịch năm 2020 đạt 312.200 tỷ đồng, giảm 58,7% so với năm 2019. Trong 08 tháng đầu năm 2021, số liệu khách du lịch nội địa đạt 31,2 triệu lượt, tổng thu từ khách du lịch đạt 136.520 tỷ đồng, giảm 36,5% so với cùng kỳ năm 2020. Hiện nay, lượng doanh nghiệp lữ hành xin thu hồi giấy phép kinh doanh lữ hành chiếm gần 30% tổng số doanh nghiệp đã được cấp phép, chỉ còn khoảng hơn 2000 doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế trên toàn quốc, trong đó rất nhiều doanh nghiệp vẫn đang đóng cửa hoặc dừng hoạt động do không có khách du lịch. Vì vậy, việc ban hành chính sách giảm tiền ký quỹ cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành trong thời điểm hiện nay là cần thiết.

- Việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch nhằm sửa đổi quy định về tiền ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành, hỗ trợ doanh nghiệp lữ hành vượt qua giai đoạn khó khăn do đại dịch Covid-19. Chính sách này sẽ có tác động tích cực, góp phần giúp doanh nghiệp lữ hành vượt qua giai đoạn khủng hoảng hiện nay.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị định ngoài phần căn cứ pháp lý, nội dung được chia thành 03 điều, bao gồm:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Điều 2: Tổ chức thực hiện.
- Điều 3: Điều khoản thi hành.

Nghị định có nội dung cơ bản như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung quy định mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành: Giảm 80% số tiền ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành so với mức ký quỹ hiện tại.

- Về mức giảm: Giảm 80% tiền ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Về thời hạn thực hiện: từ khi Nghị định có hiệu lực đến 31/12/2023.

- Về quy định cụ thể mức ký quỹ (sau khi giảm) còn là:

+ Mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa: 20.000.000 đồng.

+ Mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế: Kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với khách du lịch quốc tế đến Việt Nam: 50.000.000 đồng; Kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với khách du lịch ra nước ngoài: 100.000.000 đồng; Kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài: 100.000.000 đồng.

b) Quy định trách nhiệm của tổ chức

- Quy định trách nhiệm của Ngân hàng trong việc hoàn trả tiền ký quỹ thừa và cấp giấy chứng nhận tiền ký quỹ mới theo quy định tại Nghị định khi doanh nghiệp tự nguyện và yêu cầu.

- Quy định trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc thay đổi giấy chứng nhận tiền ký quỹ.

- Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong thực hiện Nghị định.

c) Nghị định cũng quy định thời hạn có hiệu lực thi hành và hết hiệu lực, quy định điều khoản chuyển tiếp khi Nghị định này hết hiệu lực, các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cần bổ sung tiền ký quỹ và xin cấp giấy chứng nhận tiền ký quỹ theo như quy định ban đầu.

#### **4. Thông tư số 01/2021/TT-BVHTTDL ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục, thể thao đối với hội thể thao quốc gia.**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư có hiệu lực từ ngày 20/3/2021.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Thay thế Thông tư số 01/2013/TT-BVHTTDL ngày 02/01/2013 quy định một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hội thể thao quốc gia để phù hợp với quy định Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, thể thao.

- Quy định rõ chức trách, nhiệm vụ của các hội thể thao quốc gia, cơ chế phối hợp công việc và trách nhiệm của các tổ chức này với cơ quan quản lý nhà nước về thể dục, thể thao, tránh được sự chồng chéo trong quá trình hoạt động, giúp các hội thể thao quốc gia tự chủ hơn, đặc biệt trong hoạt động chuyên môn, nâng cao hiệu quả hoạt động.

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư gồm 12 Điều, cụ thể như sau:

- Quy định trách nhiệm của Tổng cục TDTT và hội thể thao quốc gia trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách phát triển thể dục, thể thao; thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển thể dục thể thao; trách nhiệm của hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và kế hoạch hoạt động năm tiếp theo về Tổng cục TDTT (Điều 3).

- Quy định quy trình, trách nhiệm trong việc đăng cai, tổ chức đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới; giải vô địch, vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới; Tổ chức, quản lý giải thể thao quốc gia, quốc tế (Điều 4).

- Quy định quy trình, trách nhiệm trong việc thành lập đoàn thể thao quốc gia, đội thể thao quốc gia khi tham gia các giải thể thao quốc tế (Điều 5).

- Quy định việc lập, quản lý hồ sơ và xác nhận tư cách huấn luyện viên, vận động viên, trong tài; Công nhận đẳng cấp, tiêu chuẩn chuyên môn đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao (Điều 6).

- Quy định quy trình, trách nhiệm việc kiểm tra và công nhận tiêu chuẩn chuyên môn đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn chuyên môn đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu thể thao thành tích cao phải được công bố công khai trong liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, các tổ chức thành viên và báo cáo đến Tổng cục TDTT (Điều 7).

- Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn hoạt động thể thao chuyên nghiệp và công nhận đủ tiêu chuẩn hoạt động thể thao chuyên nghiệp đối với huấn luyện viên chuyên nghiệp, vận động viên chuyên nghiệp tham gia hoạt động thể thao chuyên nghiệp (Điều 8).

- Quy định trách nhiệm của Tổng cục TDTT và hội thể thao quốc gia trong triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về thể dục thể thao (Điều 9)

- Quy định trách nhiệm hội thể thao quốc gia báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động, kế hoạch hoạt động năm tiếp theo và khi kết thúc việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Thông tư này của hội thể thao quốc gia và Tổng cục TDTT để theo dõi (Điều 10).

## **5. Thông tư số 02/2021/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/7/2021.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật đã lỗi thời, hết thời gian thực hiện hoặc nội dung mâu thuẫn, không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, từ đó hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Việc xây dựng Thông tư để bãi bỏ 03 văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành nêu trên là rất cần thiết, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch và bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư gồm 03 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành

- Điều 2. Hiệu lực thi hành.

- Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

Qua kết quả rà soát năm 2020 nhận thấy có 03 văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, cụ thể là:

- Thông tư số 09/2014/TT-BVHTTDL ngày 29/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định công tác bảo vệ bí mật trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

- Thông tư số 16/2016/TT-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 650/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, báo chí ở trung ương và các Hội Văn học nghệ thuật địa phương; hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở các Hội Nhà báo địa phương giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư số 09/2019/TT-BVHTTDL ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**6. Thông tư số 03/2021/TT-BVHTTDL ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quy trình giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa.**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/8/2021.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, theo đó đã bổ sung Điều 26a về thời hạn giám định tư pháp. Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định nêu trên thì việc ban hành Thông tư bổ sung một số điều về thời hạn giám định trong các Thông tư quy định quy trình giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa là thực sự cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư gồm 03 điều (Điều 1 về nội dung bổ sung, Điều 2 về tổ chức thực hiện và Điều 3 về hiệu lực thi hành). Nội dung bổ sung như sau:

a) Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 của Thông tư số 02/2019/TT-BVHTTDL ngày 5 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định quy trình giám định tư pháp về quyền tác giả, quyền liên quan.

b) Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 của Thông tư số 03/2019/TT-BVHTTDL ngày 5 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định quy trình giám định tư pháp đối với di vật, cổ vật.

c) Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 của Thông tư số 08/2019/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định quy trình giám định tư pháp đối với sản phẩm văn hóa.

**7. Thông tư số 04/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nội dung về giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa.**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/8/2021

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Theo đó sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới liên quan đến việc bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp; công nhận và đăng tải danh sách, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc. Cụ thể:

- Quy định Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp hoạt động trong lĩnh vực quản lý, đồng thời cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp cho người được bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

- Quy định về nguyên tắc việc công nhận và đăng tải danh sách, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc. Trên cơ sở đó giao trách nhiệm cho Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định cụ thể.

Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định nêu trên thì việc ban hành Thông tư quy định một số nội dung về giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa thay thế Thông tư số 04/2013/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 5 năm 2013 quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, lập và công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; thủ tục cử người giám định tư pháp và thành lập hội đồng giám định trong lĩnh vực văn hóa là thực sự cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư gồm 4 chương và 12 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung: Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Thông tư và phạm vi giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa.

Chương II. Quy định về tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; công nhận, đăng tải danh sách, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Chương III. Quy định về thủ tục cử người tham gia giám định tư pháp và thành lập hội đồng giám định tư pháp.

Chương IV. Tổ chức thực hiện.



**8. Thông tư số 05/2021/TT-BVHTTDL ngày 25/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư này có hiệu lực từ 15/8/2021.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Định mức sử dụng trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia tại Thông tư số 04/2012/TT-BVHTTDL còn thiếu, một số định mức không còn phù hợp với thực tế sử dụng tại các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia.

Hiện nay có nhiều môn thể thao thành tích cao mới được đưa vào thi đấu tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế chưa được quy định định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên cho đội tuyển quốc gia

Danh mục trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BVHTTDL theo môn thể thao không còn phù hợp với tình hình thực tế, có thiết bị thiếu, có thiết bị thừa.

Việc xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 04/2012/TT-BVHTTDL để đảm bảo trang thiết bị tập huấn và thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia, đồng thời hoàn thiện các quy định trong quản lý, sử dụng dành cho các đối tượng có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư gồm 09 Điều và 03 Phụ lục, cụ thể như sau:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2: Đối tượng áp dụng
- Điều 3: Nguồn kinh phí mua sắm trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao
- Điều 4: Tiêu chuẩn trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao
- Điều 5. Phân loại trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao
- Điều 6. Định mức cấp phát trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao
- Điều 7. Nguyên tắc, chế độ và thời gian cấp phát trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao
- Điều 8. Công tác xây dựng kế hoạch, lập dự toán
- Điều 9. Điều khoản thi hành
- Phụ lục I. Định mức trang thiết bị tập thể lực chung cho vận động viên đội tuyển quốc gia các môn thể thao
- Phụ lục II. Định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao chung cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia các môn thể thao
- Phụ lục III. Định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia từng môn thể thao

**9. Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao.**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/9/2021

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Thay thế Quyết định số 15/2005/QĐ-UBTDTT ngày 07/01/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao về việc ban hành quy định khung về phong đẳng cấp vận động viên các môn thể thao để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Nhằm ghi nhận và tôn vinh thành tích của các vận động viên đạt được trong quá trình tập luyện và thi đấu các giải thể thao trong nước và quốc tế.

Làm cơ sở để các địa phương, ban ngành xây dựng chế độ chính sách đãi ngộ đối với các vận động viên được phong đẳng cấp vận động viên.

Tạo cơ sở pháp lý phù hợp nhằm cụ thể hóa và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc phong đẳng cấp vận động viên.

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao gồm 05 Điều với các nội dung như sau:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2: Đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao
- Điều 3: Tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao
- Điều 4: Tổ chức thực hiện
- Điều 5: Hiệu lực thi hành

**10. Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/12/2021.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc xây dựng và ban hành Thông tư quy định về tập huấn chuyên môn đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao nhằm:

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về thể dục thể thao; Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; Hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao; Đáp ứng các yêu cầu của quá trình hội nhập thể thao quốc tế của Việt Nam

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư gồm 08 Điều và 01 Phụ lục quy định Mẫu Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Nội dung, chương trình tập huấn chuyên môn thể thao
- Điều 4. Cơ quan tổ chức tập huấn chuyên môn thể thao
- Điều 5. Chứng nhận tập huấn chuyên môn thể thao
- Điều 6. Hiệu lực thi hành
- Điều 7. Quy định chuyển tiếp
- Điều 8. Trách nhiệm thi hành
- Phụ lục. Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện.

**11. Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/11/2021

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Nhằm cụ thể hoá Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các quy định pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

- Làm cơ sở để chính quyền địa phương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư gồm 03 Chương, 07 Điều, trong đó:

- Chương I: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, gồm 03 Điều quy định về: vị trí và chức năng; nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch.

- Chương II: Phòng Văn hóa và Thông tin, gồm 02 Điều quy định về: Vị trí và chức năng; Nhiệm vụ và quyền hạn.

- Chương III: Tổ chức thực hiện, gồm 02 Điều quy định về: Hiệu lực thi hành; Trách nhiệm thi hành.

**12. Thông tư số 09/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/12/2021

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Cụ thể hóa vị trí, vai trò của thư viện công cộng cấp tỉnh với tư cách là một loại thư viện thuộc nhóm thư viện được Nhà nước ưu tiên đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Thư viện và vị trí là thư viện trung tâm của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Thư viện.

- Bảo đảm việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của thư viện được quy định tại Luật Thư viện; kế thừa các quy định phù hợp tại Thông tư số 13/2016/TT-BVHTTDL và các văn bản có liên quan, bổ sung các quy định phù hợp với tình hình thực tiễn giúp cho thư viện công cộng cấp tỉnh có thể phát huy vai trò như một thư viện trung tâm của tỉnh/thành, thúc đẩy quá trình liên thông, liên kết, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ, thúc đẩy quá trình ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho các thư viện khác trên địa bàn.

- Việc hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của thư viện cần gắn với quá trình kiện toàn mạng lưới thư viện công cộng cấp tỉnh của cả nước, đặc biệt là cơ cấu tổ chức của thư viện, nội dung này được xây dựng hướng tới việc: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định những nhóm nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ mà một thư viện công cộng cấp tỉnh phải triển khai. Việc quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, số lượng phòng, ban sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định trên cơ sở tình hình thực tiễn tại địa phương.

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư bao gồm 06 điều, trong đó:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Chức năng
- Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn
- Điều 4. Cơ cấu tổ chức
- Điều 5. Tổ chức thực hiện
- Điều 6. Điều khoản thi hành

**13. Thông tư số 10/2021/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư có hiệu lực từ ngày 19/11/2021.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Sau 12 năm thực hiện Thông tư số 03/2009/TT-BVHTTDL ngày 28/8/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các địa phương trong cả nước áp dụng vào điều kiện thực tế, phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ được giao cho các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, góp phần đẩy mạnh phong trào văn hóa,

nghệ thuật, từng bước đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, đến nay, một số nội dung tại Thông tư số 03/2009/TT-BVHTTDL đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập:

- Các căn cứ pháp lý đã thay đổi, nhiều văn bản hết hiệu lực thi hành, một số quy định tại Thông tư về cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động không còn phù hợp với chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

- Một số địa phương còn lúng túng trong việc cụ thể hóa các quy định tại Thông tư để triển khai hoạt động theo tình hình thực tế về tổ chức và duy trì các câu lạc bộ, nhóm sở thích; sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật để hợp tác với các tổ chức, cá nhân đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho nhân dân; chậm đổi mới phương thức hoạt động để đáp ứng sự thay đổi của xã hội, trong đó có Đội tuyên truyền lưu động...

c) Nội dung chủ yếu:

Thông tư hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh có 6 điều, cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- Điều 2. Chức năng của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh.
- Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh.
- Điều 4. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh.
- Điều 5. Quy định chuyên tiếp.
- Điều 6. Điều khoản thi hành.

#### **14. Thông tư số 11/2021/TT-BVHTTDL ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch**

a) Hiệu lực thi hành: Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê nhằm phản ánh tình hình, kết quả hoạt động chủ yếu của ngành văn hóa, thể thao và du lịch nhằm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan Nhà nước các cấp; phục vụ công tác đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách phát triển các lĩnh vực quản lý của ngành văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình; đáp ứng nhu cầu trao đổi, chia sẻ thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn Luật Thống kê.

c) Nội dung chủ yếu:

Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình bao gồm 66 chỉ tiêu. Mỗi chỉ tiêu thống kê bao gồm mã số chỉ tiêu, tên chỉ tiêu, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố và đơn vị thu thập. Trong đó:

- Quản lý nhà nước chung gồm 11 chỉ tiêu.
- Lĩnh vực văn hóa gồm 25 chỉ tiêu.
- Lĩnh vực gia đình gồm 5 chỉ tiêu.

- Lĩnh vực thể thao gồm 11 chỉ tiêu.

- Lĩnh vực du lịch gồm 14 chỉ tiêu.

Nội dung chỉ tiêu thống kê bao gồm khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp của từng chỉ tiêu thống kê./.